

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 24
Trương Xuân Hùng

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122120311	Lê Quý	An	23/09/2004	CCQ2212J	6	6.3	6	8.3	9	7.6	
2	2122120503	Trần Tùng	An	04/08/2003	CCQ2212J	8.3	8.3	6.5	8.3	9	8.2	
3	2122120502	Phạm Tuấn	Anh	13/06/2004	CCQ2212J	7.7	7.3	6	8.7	10	8.3	
4	2122120316	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2004	CCQ2212J	6.3	8	6.5	5	9	7.0	
5	2122120294	Chế Công	Chiến	19/02/2004	CCQ2212I	7.7	7.3	6.5	9.7	9	8.4	
6	2122120302	Vũ Hoàng	Chương	28/01/2004	CCQ2212I	8	7	6.5	9	9	8.2	
7	2122120274	Phạm Văn	Cường	06/06/2002	CCQ2212I	0	0	0	0	0	0.0	
8	2122120296	Trần Thị Thanh	Diệu	26/08/2004	CCQ2212I	7.7	8.3	8	9.3	9	8.7	
9	2122120333	Trần Anh	Dũng	16/07/2000	CCQ2212J	7.3	6.3	10	10	10	9.1	
10	2122120326	Đặng Quốc	Duy	19/04/2004	CCQ2212J	5	0	6	7.3	9	6.2	
11	2122120280	Huỳnh Hải	Đăng	06/05/2004	CCQ2212I	8.3	7.3	6	8.7	9	8.1	
12	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	16/05/2003	CCQ2212J	6	8.7	8	9.7	9	8.6	
13	2122120301	Lê Thị Thu	Giang	28/05/2004	CCQ2212I	6.3	5.3	8	7.3	9	7.5	
14	2122120313	Trần Thị	Giang	25/08/2004	CCQ2212J	6.7	7	8	8.3	9	8.0	
15	2122120337	Lê Thị	Hà	25/01/2004	CCQ2212J	8.7	8	8	9	9	8.7	
16	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	0	0	0	0	0	0.0	
17	2122120334	Nguyễn Khắc	Hải	22/05/2004	CCQ2212J	5.3	6.7	6	9.3	9	7.8	
18	2122120275	Nguyễn Nhựt	Hào	19/03/2002	CCQ2212I	7.3	8	6.5	8.3	9	8.1	
19	2122120500	Văn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003	CCQ2212I	6.3	7.3	8	7	9	7.7	
20	2122120310	Đào Thị Minh	Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J	6	6.7	9	8	10	8.2	
21	2122120315	Phan Thanh	Hiếu	14/05/2004	CCQ2212J	0	0	0	0	0	0.0	
22	2122120300	Trần Thị Thu	Huệ	12/08/2004	CCQ2212I	7	8.3	8	7	9	7.9	
23	2122120321	Lữ Thị	Hương	02/10/2003	CCQ2212J	8.3	7	9	8	10	8.6	
24	2122120282	Bùi Nhật	Khoen	01/05/2001	CCQ2212I	0	0	0	0	0	0.0	

25	2122120299	Nguyễn Vũ	Khôi	13/01/2004	CCQ2212I	6	2.7	6	9	9	7.2	
26	2122120312	Nguyễn Đăng Xuân	Lan	22/10/2004	CCQ2212J	5.3	6.7	8	6.7	10	7.6	
27	2122120297	Nguyễn Hà	Linh	13/04/2004	CCQ2212I	5.7	6.3	8	8.3	9	7.8	
28	2122120339	Nguyễn Hoàng	Long	25/08/2004	CCQ2212J	6	5.3	6	6.7	9	7.0	
29	2122120303	Dương Hiền	Mai	06/10/2004	CCQ2212I	8.7	7.7	8	6.7	9	8.0	
30	2122120320	Lê Đình	Minh	19/05/2003	CCQ2212J	0	0	0	0	0	0.0	
31	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J	6	8	6.5	9.7	9	8.3	
32	2122120287	Bùi Thanh	Ngân	19/01/2004	CCQ2212I	6.7	7	8	8	9	8.0	
33	2122120304	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	17/01/2004	CCQ2212I	5.7	5.7	7	5.3	9	6.7	
34	2122120293	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	02/09/2004	CCQ2212I	6.3	8.3	8	7	9	7.8	
35	2122120323	Nguyễn Thành	Nhân	06/12/2003	CCQ2212J	6	7.3	6	8.7	9	7.8	
36	2122120318	Nguyễn Văn	Nhân	21/09/2003	CCQ2212J	8	8.7	6	9.7	9	8.6	
37	2122120336	Lê Thị Quỳnh	Nhi	12/06/2004	CCQ2212J	8.3	8.3	8	8	9	8.4	
38	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh	Như	20/09/2004	CCQ2212I	7	7.3	7	8	9	7.9	
39	2122120298	Nguyễn Ánh	Ni	16/04/2004	CCQ2212I	7	6.3	8	8	9	7.9	
40	2122120307	Đỗ Thị Kim	Oanh	06/07/2004	CCQ2212I	4.7	6.3	7	9.7	9	7.9	
41	2122120286	Dương Thanh	Phát	30/07/2004	CCQ2212I	7.7	6.7	6.5	7.3	10	7.9	
42	2122120285	Phùng Vinh	Quang	19/05/2000	CCQ2212I	7.7	6.7	10	10	10	9.2	
43	2122120290	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	14/08/2004	CCQ2212I	8.3	8	8	5	9	7.5	
44	2122120501	Võ Thị Thu	Quyên	13/02/2004	CCQ2212I	4	6.7	7	8.7	9	7.6	
45	2122120328	Kiều Thị Như	Quỳnh	23/01/2004	CCQ2212J	6	7.3	8	9	9	8.2	
46	2122120331	Phan Thị Như	Quỳnh	03/03/2004	CCQ2212J	8.3	5	8	8.3	9	8.0	
47	2122120325	Trần Đức	Son	20/04/2004	CCQ2212J	4.3	7	6	9	9	7.6	
48	2122120327	Lê Hồ Tuyết	Sương	07/08/2004	CCQ2212J	0	0	0	0	0	0.0	
49	2122120332	Huỳnh Thị	Tài	20/08/2004	CCQ2212J	7.7	6.3	7	7.3	9	7.7	
50	2122120305	Lê Thị Minh	Tâm	08/04/2003	CCQ2212I	8.3	7.3	8	8.7	9	8.4	
51	2122120317	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/09/2004	CCQ2212J	6	5.7	8	8.7	9	7.9	
52	2122120291	Đào Lê	Thành	25/01/2004	CCQ2212I	8.3	8	6	7.3	9	7.8	
53	2122120338	Huỳnh Ngọc	Thiện	30/10/2004	CCQ2212J	6.3	8.3	6.5	7	9	7.6	
54	2122120292	Lê Huy	Thông	27/02/2004	CCQ2212I	7	6.3	6.5	8.3	9	7.8	
55	2122120295	Võ Minh	Thức	04/10/2004	CCQ2212I	0	0	0	0	0	0.0	
56	2122120278	Đoàn Thị Thủy	Tiên	09/01/2004	CCQ2212I	8.7	8.3	8	8	9	8.4	
57	2122120276	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24/02/2004	CCQ2212I	8	7.7	7	9	9	8.4	
58	2122120580	Nguyễn Trung	Tín	20/03/2004	CCQ2212J	5.3	0	6	9.7	9	7.0	

59	2122120281	Phạm Thùy Trang	10/10/2004	CCQ2212I	4	7.3	7	8.7	9	7.7	
60	2122120319	Trần Thị Mỹ Trinh	29/04/2004	CCQ2212J	6.7	7.3	7	5	9	7.0	
61	2122120322	Nguyễn Xuân Trường	18/06/2002	CCQ2212J	0	0	0	0	0	0.0	
62	2122120289	Ngô Lê Quốc Tuấn	06/01/2003	CCQ2212I	8	8	6.5	8.3	9	8.2	
63	2122120341	Bùi Trọng Tỷ	07/05/2004	CCQ2212J	0	0	0	0	0	0.0	
64	2122120324	Nguyễn Xuân Việt	29/06/2003	CCQ2212J	4	5.3	6	9	10	7.6	
65	2122120283	Nguyễn Hiếu Vinh	21/10/2004	CCQ2212I	6	9	6.5	8.7	9	8.1	
66	2122120330	Lê Hoàng Vĩnh	04/10/2004	CCQ2212J	7.7	7.3	6.5	7.7	9	7.8	
67	2122120335	Lê Ngọc Kiều Vy	07/12/2004	CCQ2212J	7.3	6.7	8	9.3	9	8.4	
68	2122120340	Nguyễn Thị Triệu Vy	11/09/2004	CCQ2212J	6.7	5.7	8	8	9	7.8	
69	2122120277	Trần Thị Thảo Vy	30/08/2004	CCQ2212I	8.7	7.7	7	7	9	7.9	
70	2122120314	Nguyễn Thị Thanh Xuân	17/12/2003	CCQ2212J	8	5.3	8	8.7	9	8.1	

Tp. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2022

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 24
Trương Xuân Hùng

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122120311	Lê Quý	An	23/09/2004	CCQ2212J	7.6	6.6	7.0
2	2122120503	Trần Tùng	An	04/08/2003	CCQ2212J	8.2	6.6	7.3
3	2122120502	Phạm Tuấn	Anh	13/06/2004	CCQ2212J	8.3	6.8	7.4
4	2122120316	Nguyễn Gia	Bảo	04/08/2004	CCQ2212J	7.0	5.4	6.0
5	2122120294	Chế Công	Chiến	19/02/2004	CCQ2212I	8.4	7.2	7.7
6	2122120302	Vũ Hoàng	Chương	28/01/2004	CCQ2212I	8.2	7.4	7.7
7	2122120274	Phạm Văn	Cường	06/06/2002	CCQ2212I	0.0	0.0	0.0
8	2122120296	Trần Thị Thanh	Diệu	26/08/2004	CCQ2212I	8.7	7.6	8.0
9	2122120333	Trần Anh	Dũng	16/07/2000	CCQ2212J	9.1	6.2	7.4
10	2122120326	Đặng Quốc	Duy	19/04/2004	CCQ2212J	6.2	2.8	4.2
11	2122120280	Huỳnh Hải	Đăng	06/05/2004	CCQ2212I	8.1	6.4	7.1
12	2122120309	Huỳnh Thị Mỹ	Đoan	16/05/2003	CCQ2212J	8.6	6.8	7.5
13	2122120301	Lê Thị Thu	Giang	28/05/2004	CCQ2212I	7.5	7.4	7.4
14	2122120313	Trần Thị	Giang	25/08/2004	CCQ2212J	8.0	6.6	7.2
15	2122120337	Lê Thị	Hà	25/01/2004	CCQ2212J	8.7	8.0	8.3
16	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	0.0	0.0	0.0
17	2122120334	Nguyễn Khắc	Hải	22/05/2004	CCQ2212J	7.8	6.6	7.1
18	2122120275	Nguyễn Nhựt	Hào	19/03/2002	CCQ2212I	8.1	6.8	7.3
19	2122120500	Văn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003	CCQ2212I	7.7	6.8	7.1
20	2122120310	Đào Thị Minh	Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J	8.2	6.2	7.0
21	2122120315	Phan Thanh	Hiếu	14/05/2004	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0
22	2122120300	Trần Thị Thu	Huệ	12/08/2004	CCQ2212I	7.9	7.0	7.4
23	2122120321	Lữ Thị	Hương	02/10/2003	CCQ2212J	8.6	6.8	7.5
24	2122120282	Bùi Nhật	Khoen	01/05/2001	CCQ2212I	0.0	0.0	0.0

25	2122120299	Nguyễn Vũ	Khôi	13/01/2004	CCQ2212I	7.2	3.0	4.7
26	2122120312	Nguyễn Đăng Xuân	Lan	22/10/2004	CCQ2212J	7.6	6.2	6.8
27	2122120297	Nguyễn Hà	Linh	13/04/2004	CCQ2212I	7.8	6.2	6.8
28	2122120339	Nguyễn Hoàng	Long	25/08/2004	CCQ2212J	7.0	5.4	6.0
29	2122120303	Dương Hiền	Mai	06/10/2004	CCQ2212I	8.0	7.2	7.5
30	2122120320	Lê Đình	Minh	19/05/2003	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0
31	2122120308	Cao Văn Hoài	Nam	12/11/2001	CCQ2212J	8.3	6.6	7.3
32	2122120287	Bùi Thanh	Ngân	19/01/2004	CCQ2212I	8.0	6.8	7.3
33	2122120304	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	17/01/2004	CCQ2212I	6.7	6.4	6.5
34	2122120293	Nguyễn Thị Minh	Nghĩa	02/09/2004	CCQ2212I	7.8	6.0	6.7
35	2122120323	Nguyễn Thành	Nhân	06/12/2003	CCQ2212J	7.8	7.4	7.6
36	2122120318	Nguyễn Văn	Nhân	21/09/2003	CCQ2212J	8.6	6.6	7.4
37	2122120336	Lê Thị Quỳnh	Nhi	12/06/2004	CCQ2212J	8.4	6.6	7.3
38	2122120273	Nguyễn Vương Quỳnh	Như	20/09/2004	CCQ2212I	7.9	6.8	7.2
39	2122120298	Nguyễn Ánh	Ni	16/04/2004	CCQ2212I	7.9	5.6	6.5
40	2122120307	Đỗ Thị Kim	Oanh	06/07/2004	CCQ2212I	7.9	6.2	6.9
41	2122120286	Dương Thanh	Phát	30/07/2004	CCQ2212I	7.9	7.0	7.4
42	2122120285	Phùng Vinh	Quang	19/05/2000	CCQ2212I	9.2	5.6	7.0
43	2122120290	Nguyễn Thị Lê	Quyên	14/08/2004	CCQ2212I	7.5	6.8	7.1
44	2122120501	Võ Thị Thu	Quyên	13/02/2004	CCQ2212I	7.6	5.6	6.4
45	2122120328	Kiều Thị Như	Quỳnh	23/01/2004	CCQ2212J	8.2	6.0	6.9
46	2122120331	Phan Thị Như	Quỳnh	03/03/2004	CCQ2212J	8.0	6.8	7.3
47	2122120325	Trần Đức	Son	20/04/2004	CCQ2212J	7.6	6.2	6.8
48	2122120327	Lê Hồ Tuyết	Sương	07/08/2004	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0
49	2122120332	Huỳnh Thị	Tài	20/08/2004	CCQ2212J	7.7	6.0	6.7
50	2122120305	Lê Thị Minh	Tâm	08/04/2003	CCQ2212I	8.4	6.6	7.3
51	2122120317	Nguyễn Thị Phương	Thanh	03/09/2004	CCQ2212J	7.9	6.6	7.1
52	2122120291	Đào Lê	Thành	25/01/2004	CCQ2212I	7.8	6.2	6.9
53	2122120338	Huỳnh Ngọc	Thiện	30/10/2004	CCQ2212J	7.6	7.2	7.4
54	2122120292	Lê Huy	Thông	27/02/2004	CCQ2212I	7.8	7.8	7.8
55	2122120295	Võ Minh	Thức	04/10/2004	CCQ2212I	0.0	0.0	0.0
56	2122120278	Đoàn Thị Thủy	Tiên	09/01/2004	CCQ2212I	8.4	6.2	7.1
57	2122120276	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	24/02/2004	CCQ2212I	8.4	6.4	7.2
58	2122120580	Nguyễn Trung	Tín	20/03/2004	CCQ2212J	7.0	5.0	5.8
59	2122120281	Phạm Thủy	Trang	10/10/2004	CCQ2212I	7.7	6.8	7.1
60	2122120319	Trần Thị Mỹ	Trình	29/04/2004	CCQ2212J	7.0	6.4	6.6

61	2122120322	Nguyễn Xuân	Trường	18/06/2002	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0
62	2122120289	Ngô Lê Quốc	Tuấn	06/01/2003	CCQ2212I	8.2	6.4	7.1
63	2122120341	Bùi Trọng	Tỷ	07/05/2004	CCQ2212J	0.0	0.0	0.0
64	2122120324	Nguyễn Xuân	Việt	29/06/2003	CCQ2212J	7.6	5.6	6.4
65	2122120283	Nguyễn Hiếu	Vinh	21/10/2004	CCQ2212I	8.1	6.8	7.3
66	2122120330	Lê Hoàng	Vĩnh	04/10/2004	CCQ2212J	7.8	6.8	7.2
67	2122120335	Lê Ngọc Kiều	Vy	07/12/2004	CCQ2212J	8.4	6.4	7.2
68	2122120340	Nguyễn Thị Triệu	Vy	11/09/2004	CCQ2212J	7.8	6.6	7.1
69	2122120277	Trần Thị Thảo	Vy	30/08/2004	CCQ2212I	7.9	7.0	7.4
70	2122120314	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	17/12/2003	CCQ2212J	8.1	6.8	7.3

Tp. HCM, ngày 05 tháng 12 năm 2022

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng